|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /TTr-BKHĐT **[DỰ THẢO]** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, Chủ tịch Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh tại công văn số 2541/VPCP-KGVX ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ, trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, cập nhật Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Lộ trình cập nhật với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Bối cảnh và sự cần thiết phải rà soát, cập nhật Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030**

Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người. Tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc diễn ra từ ngày 25 đến 27 tháng 9 năm 2015 tại New York, Hoa Kỳ, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát bền vững (sau đây gọi tắt là Chương trình nghị sự 2030) đã được các nước thành viên Liên hợp quốc đồng thuận thông qua.

Thực hiện cam kết quốc tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 tại Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017. Kế hoạch hành động quốc gia đã xác định 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 với 115 mục tiêu cụ thể và phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch hành động. Một trong những nhiệm vụ quan trọng đề ra trong Kế hoạch hành động quốc gia đó là xây dựng Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, làm thước đo để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu tại các mốc thời gian 2020, 2025, 2030. Lộ trình là một cơ sở quan trọng cho công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và cũng là căn cứ để các bộ, ngành và địa phương lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm; xây dựng các chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể của ngành, địa phương nhằm triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong từng thời kì từ nay đến năm 2030. Trên cơ sở đó, ngày 04 tháng 6 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-TTg phê duyệt Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến 2030. Quyết định 681/QĐ-TTg đưa ra 119 chỉ tiêu nhằm giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo 3 mốc cần đạt đến là năm 2020, 2025 và 2030.

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg và Quyết định 681/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030, kèm theo các chỉ tiêu và Lộ trình thực hiện đến năm 2030 để theo dõi, giám sát tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững[[1]](#footnote-1). Bên cạnh đó, các Bộ, ngành đã lồng ghép, đề ra Lộ trình cho các chỉ tiêu có liên quan tới lĩnh vực được phân công; giao đầu mối theo dõi, giám sát tiến trình thực hiện các nhiệm vụ và Lộ trình tương ứng với những chỉ tiêu được giao theo Quyết định 681/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện Quyết định 681/QĐ-TTg và trong bối cảnh hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy cần rà soát, cập nhật lại Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững với những lý do sau đây:

- Dịch COVID-19 xảy ra trong 2 năm 2020-2021 đã có những tác động tiêu cực tới tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, qua đó góp phần dẫn đến việc một số chỉ tiêu đặt ra tới năm 2020 theo Quyết định 681/QĐ-TTg là chưa đạt được[[2]](#footnote-2). Mặc dù tình hình trong nước đã có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022 nhưng bối cảnh quốc tế và trong nước còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, dẫn đến tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững sẽ còn tiếp tục chịu ảnh hưởng trong những năm tới.

- Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội quốc gia và các chiến lược, kế hoạch, chương trình của các ngành, lĩnh vực cho thời kỳ 2021-2030 được ban hành trong thời gian gần đây đã điều chỉnh, cập nhất một số mục tiêu, chỉ tiêu liên quan đến phát triển bền vững để phù hợp với bối cảnh mới.

- Bối cảnh mới, cuộc cánh mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo, các tiến bộ của khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay với nhiều thay đổi đã dẫn đến một số chỉ tiêu và Lộ trình đặt ra trong Quyết định 681/QĐ-TTg là không còn phù hợp.

- Thực tiễn cho thấy, Lộ trình của một số chỉ tiêu trong Quyết định 681/QĐ-TTg là quá cao[[3]](#footnote-3), dẫn đến khả năng sẽ không thể đạt được mục tiêu Lộ trình đặt ra đến năm 2025 và 2030, cần được đánh giá lại và đề xuất mới Lộ trình cần đạt phù hợp hơn cho giai đoạn tiếp theo.

- Một số chỉ tiêu đưa vào Quyết định 681/QĐ-TTg nhưng không có thông tin và số liệu để theo dõi, đánh giá, khiến các bộ ngành gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình thu thập thông tin, đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu theo Lộ trình được giao[[4]](#footnote-4).

- Đảm bảo tính thống nhất, hài hòa giữa các chỉ tiêu trong Quyết định 681/QĐ-TTg và các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật thống kê, các chỉ tiêu phát triển bền vững ban hành tại Thông tư 03 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư trong mối tương quan về khả năng so sánh với các chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu.

**2. Cách tiếp cận rà soát, cập nhật Lộ trình**

Việc rà soát, cập nhật Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 được thực hiện theo hai bước:

***(i) Bước thứ nhất -Rà soát và đề xuất danh mục các chỉ tiêu***

Rà soát các chỉ tiêu tại Quyết định 681/QĐ-TTg, từ đó đề xuất các chỉ tiêu giữ nguyên theo Quyết định 681/QĐ-TTg, các chỉ tiêu cần điều chỉnh tên gọi cho phù hợp, các chỉ tiêu cần loại bỏ khỏi danh sách và đề xuất các chỉ tiêu mới cần đưa vào danh mục để xây dựng Lộ trình cập nhật đến 2030. Danh mục các chỉ tiêu được đề xuất đưa vào Lộ trình cập nhật cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với nội dung của Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ).

- Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu trong Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội quốc gia và các chiến lược, kế hoạch, chương trình của các ngành, lĩnh vực cho thời kỳ 2021-2030 được ban hành thời gian gần đây.

- Phù hợp với Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, ngành, lĩnh vực và có khả năng thu thập số liệu định kỳ để theo dõi, đánh giá.

***(ii) Bước thứ hai -Đề xuất Lộ trình cần đạt của các chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030***

Dựa vào danh mục các chỉ tiêu được xác định ở bước 1, tiến hành đề xuất Lộ trình cần đạt được của các chỉ tiêu này đến năm 2025 và 2030. Việc đề xuất Lộ trình căn cứ vào:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trong giai đoạn 2016-2021.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu trong Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội quốc gia và các chiến lược, kế hoạch, chương trình của các ngành, lĩnh vực cho thời kỳ 2021-2030.

- Đề xuất của Bộ, ngành, cơ quan và tham vấn chuyên gia.

**3. Quá trình xây dựng Dự thảo Lộ trình**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan rà soát, cập nhật và xây dựng, hoàn thiện Dự thảo Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, cụ thể như sau:

a. Gửi công văn số 5527/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2022 tới các Bộ, ngành, cơ quan liên quan đề nghị rà soát, đề xuất Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được công văn của 13/23 Bộ, ngành, cơ quan[[5]](#footnote-5).

b. Tổ chức Hội thảo 3 miền (Bắc, Trung, Nam) để tham vấn các địa phương và làm việc với các Bộ, ngành và cơ quan được giao chủ trì thực hiện các chỉ tiêu tại Quyết định 681/QĐ-TTg để tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Lộ trình và các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam; đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu và Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030[[6]](#footnote-6).

c. Trên cơ sở Báo cáo của các Bộ, ngành, cơ quan; kết quả tham vấn, làm việc với các Bộ, ngành, địa phương; Báo cáo quốc gia năm 2020 về tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2021, xây dựng Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình và Báo cáo nghiên cứu, rà soát đề xuất Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

d. Gửi công văn số văn số…..ngày…..năm 2022 xin ý kiến chính thức các bộ, ngành và địa phương về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được văn bản góp ý của…..Bộ, ngành, cơ quan và …….địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được văn bản trả lời của …… Bộ, ngành, cơ quan và …..địa phương.

e. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương.

**4. Nội dung chính của Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030**

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 gồm 3 Điều, trong đó nội dung chính là danh mục Lộ trình cập nhật các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 bao gồm 122 chỉ tiêu được phân bổ trong 76/115 mục tiêu cụ thể thuộc 17 mục tiêu chung về phát triển bền vững Việt Nam ban hành tại Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030. Trong số đó, có 69 chỉ tiêu giữ như tên gọi cũ, 41 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi, bỏ 9 chỉ tiêu và bổ sung mới 12 chỉ tiêu so với Quyết định 681/QĐ-TTg. Có 65 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên như lộ trình theo Quyết định 681/QĐ-TTg, 46 chỉ tiêu điều chỉnh lộ trình và bổ sung thêm 11 lộ trình mới ứng với các chỉ tiêu mới bổ sung. Cụ thể như sau:

**Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi** gồm 5 chỉ tiêu. Trong đó, so với Quyết định 681/QĐ-TTg có 4 chỉ tiêu vẫn giữ tên như cũ, 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi và 5 chỉ tiêu không thay đổi Lộ trình như nêu tại Quyết định 681/QĐ-TTg.

**Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững** gồm 6 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 4 chỉ tiêu giữ tên gọi như cũ, 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi, bỏ 1 chỉ tiêu và bổ sung mới 1 chỉ tiêu; không thay đổi Lộ trình đối với 2 chỉ tiêu tại Quyết định 681/QĐ-TTg, điều chỉnh Lộ trình đối với 3 chỉ tiêu và bổ sung thêm 1 Lộ trình.

**Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi** gồm 17 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 10 chỉ tiêu giữ nguyên như cũ, 7 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi; không thay đổi Lộ trình cho 11 chỉ tiêu và chỉnh sửa Lộ trình cho 6 chỉ tiêu.

**Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người** gồm 17 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 5 chỉ tiêu giữ tên gọi như cũ, 11 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi, bỏ bớt 2 chỉ tiêu và bổ sung 1 chỉ tiêu mới; giữ nguyên Lộ trình đối với 8 chỉ tiêu, chỉnh sửa Lộ trình với 8 chỉ tiêu và bổ sung 1 Lộ trình cho chỉ tiêu mới.

**Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái** gồm 8 chỉ tiêu, giảm 1 chỉ tiêu so với Quyết định 681/QĐ-TTg. Trong đó có 5 chỉ tiêu giữ nguyên tên gọi, 3 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi; giữ nguyên Lộ trình đối với 5 chỉ tiêu và chỉnh sửa Lộ trình đối với 3 chỉ tiêu.

**Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người** gồm 9 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 5 chỉ tiêu giữa nguyên tên gọi, 2 chỉ tiêu chỉnh sửa tên gọi và bổ sung thêm 2 chỉ tiêu mới; có 1 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình, 6 chỉ tiêu chỉnh sửa Lộ trình và 2 chỉ tiêu bổ sung mới Lộ trình.

**Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người** gồm 4 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 3 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên tên gọi, 1 chỉ tiêu chỉnh sửa tên gọi; 1 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình và 3 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình.

**Mục tiêu 8: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người** gồm 14 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 6 chỉ tiêu giữ nguyên tên gọi, 5 chỉ tiêu chỉnh sửa tên gọi, bổ sung mới 3 chỉ tiêu và bỏ 1 chỉ tiêu; có 11 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên Lộ trình và 3 chỉ tiêu bổ sung mới Lộ trình.

**Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới** gồm 9 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 7 chỉ tiêu giữ nguyên tên gọi, 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi, bổ sung 1 chỉ tiêu và loại bỏ 1 chỉ tiêu; có 6 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình, 2 chỉ tiêu điều chỉnh lại Lộ trình và 1 chỉ tiêu bổ sung mới Lộ trình.

**Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội** gồm 1 chỉ tiêu được điều chỉnh tên gọi và vẫn giữ nguyên Lộ trình như tại Quyết định 681/QĐ-TTg.

**Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng** gồm 6 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 3 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên, 2 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi và bổ sung thêm 1 chỉ tiêu mới; có 3 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên Lộ trình, 2 chỉ tiêu chỉnh sửa Lộ trình và 1 chỉ tiêu bổ sung mới Lộ trình.

**Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững** gồm 7 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 6 chỉ tiêu giữ nguyên và 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi; có 4 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình và 3 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình.

**Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai** gồm 4 chỉ tiêu. So với Quyết định 681/QĐ-TTg có 1 chỉ tiêu giữ nguyên, 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi và bổ sung mới 2 chỉ tiêu; có 1 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình, 1 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình và 2 chỉ tiêu bổ sung mới Lộ trình.

**Mục tiêu 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững** gồm 3 chỉ tiêu, giảm 1 chỉ tiêu so với Quyết định 681/QĐ-TTg, 2 chỉ tiêu vẫn giữ tên gọi như cũ, 1 chỉ tiêu điều chỉnh tên gọi; 1 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình và 2 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình;

**Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hoá, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất** gồm 5 chỉ tiêu vẫn giữ nguyên như trong Quyết định 681/QĐ-TTg; có 2 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình và 3 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình.

**Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hoà bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp** gồm 5 chỉ tiêu, giảm 3 chỉ tiêu so với Quyết định 681/QĐ-TTg, có 3 chỉ tiêu vẫn giữ tên gọi như cũ và 2 chỉ tiêu chỉnh lại tên gọi; 2 chỉ tiêu vẫn giữ Lộ trình như cũ và 3 chỉ tiêu điều chỉnh lại Lộ trình.

**Mục tiêu 17: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững** gồm 2 chỉ tiêu vẫn giữ tên gọi như trong Quyết định 681/QĐ-TTg; 1 chỉ tiêu giữ nguyên Lộ trình và 1 chỉ tiêu điều chỉnh Lộ trình.

 Còn 39/115 mục tiêu cụ thể theo Quyết định 622/QĐ-TTg hiện chưa có chỉ tiêu và Lộ trình được đề xuất thực hiện đến năm 2030 là do: i) chưa thể lựa chọn được chỉ tiêu phù hợp, bảo đảm các yêu cầu như trình bày tại mục 2 của Tờ trình; ii) bản thân các chỉ tiêu quốc tế đưa ra để giám sát tiến trình thực hiện đối với các mục tiêu cụ thể này chưa rõ, khó tính toán và chưa có thông tin; iii) có nhiều chỉ tiêu quốc tế đề xuất cho các mục tiêu cụ thể nhưng lại không phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đối với các mục tiêu này, yêu cầu các bộ, ngành được phân công chủ trì thực hiện theo các nhiệm vụ được giao tại Quyết định 622/QĐ-TTg và có kế hoạch, chương trình, chính sách cụ thể để thực hiện.

 **5. Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được …… ý kiến chính thức bằng văn bản từ các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến góp ý ở mức tối đa, đồng thời các nội dung được bảo lưu đã được giải trình cụ thể (Chi tiết xem tại Báo cáo Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến kèm theo). Đối với một số vấn đề cần xin ý kiến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo như sau…..

Trên đây là những nội dung chính trong quá trình rà soát, cập nhật Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Báo cáo nghiên cứu rà soát, xây dựng Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2025 và 2030;

- Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành và các bên liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam;- Văn phòng Chính phủ;- Lưu: VT, KHGDTNMT. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Chí Dũng** |

1. Hiện đã có 18 bộ ngành và 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ví dụ như các chỉ tiêu 9, 16, 30, 77, 78, 80, 122 trong Quyết đinh 681/QĐ-TTg. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ví dụ như các chỉ tiêu.. 14, 28, 33, 35, 37, 38, 44, 55, 62, 93, 95, 96, 98, 101 trong Quyết đinh 681/QĐ-TTg. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ví dụ như chỉ tiêu 7, 11, 20, 32, 72, 73, 91, 106, 107, 110, 111, 113 trong Quyết định 681/QĐ-TTg. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đã nhận được công văn của các Bộ, ngành, cơ quan: Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương.

Chưa nhận được công văn của các Bộ, ngành, cơ quan: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã làm việc với các Bộ, ngành, cơ quan: Bộ Lao động, thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường. [↑](#footnote-ref-6)